TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – TP.HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1417/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b Khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 370, Điều 371 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý sơ thẩm số: 1299/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 07 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Người yêu cầu: Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Số C B, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cước công dân số: 079074001436 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 05/8/2022.

2. Người yêu cầu: Bà **Lê Thị Kim H**, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Số C B, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cước công dân số: 083181003085 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 23/4/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị Kim H cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị Kim H đang cư trú tại Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về yêu cầu của đương sự:

- Xét về quan hệ hôn nhân: Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13/07/2026 các đương sự thống nhất trình bày:

Các đương sự tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 17/12/2004.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến nay thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, các đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 276, quyển số 2/2004 do Ủy ban nhân dân phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 17 tháng 12 năm 2004 thì có đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị Kim H là vợ chồng hợp pháp.

Do tình trạng mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa các đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho các đương sự ly hôn.

- Xét về quan hệ con chung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã có đủ cơ sở để xác định: Các đương sự có 02 (hai) con chung là Nguyễn Quỳnh N, giới tính: nữ, sinh ngày 04/7/2006 (đã trưởng thành) và Nguyễn Quỳnh T giới tính: nữ, sinh ngày 14/4/2009. Khi ly hôn, ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị Kim H thỏa thuận giao con chung là Nguyễn Quỳnh T cho ông Nguyễn Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà Lê Thị Kim H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Quỳnh T theo thời gian và phương thức cấp dưỡng hằng tháng số tiền là: 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng)/01tháng, việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 03 dương lịch hằng tháng, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 03/08/2026 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện, không trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước, không vi phạm đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

- Xét về quan hệ tài sản chung: ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị Kim H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không đặt ra để giải quyết.

- Xét về nợ chung và các vấn đề khác: ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị Kim H xác nhận không có, Tòa án không xem xét.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc tự nguyện cùng chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị Kim H thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 276 quyển số 2/2004 do Ủy ban nhân dân phường F, Quận H (nay là Ủy ban nhân dân phường B), Thành phố Hồ Chí Minh cấp 17 tháng 12 năm 2004 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị Kim H xác nhận có 02 (hai) con chung là Nguyễn Quỳnh N, giới tính: nữ, sinh ngày 04/7/2006 đã trưởng thành và Nguyễn Quỳnh T, giới tính: nữ, sinh ngày 14/4/2009. Khi ly hôn, ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị Kim H thỏa thuận giao con chung là Nguyễn Quỳnh T, giới tính: nữ, sinh ngày 14/4/2009 cho ông Nguyễn Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà Lê Thị Kim H có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng với mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng, việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 03 dương lịch hằng tháng, bắt đầu thực hiện vào ngày 03/8/2026 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị Kim H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các vấn đề khác: Ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị Kim H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị Kim H cùng chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng mà ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị Kim H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số: 0039776 ngày 23/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị Kim H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 34, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV10 – TP. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Bình Đông, TP.Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

Lê Văn Cơ

2 000027 046201